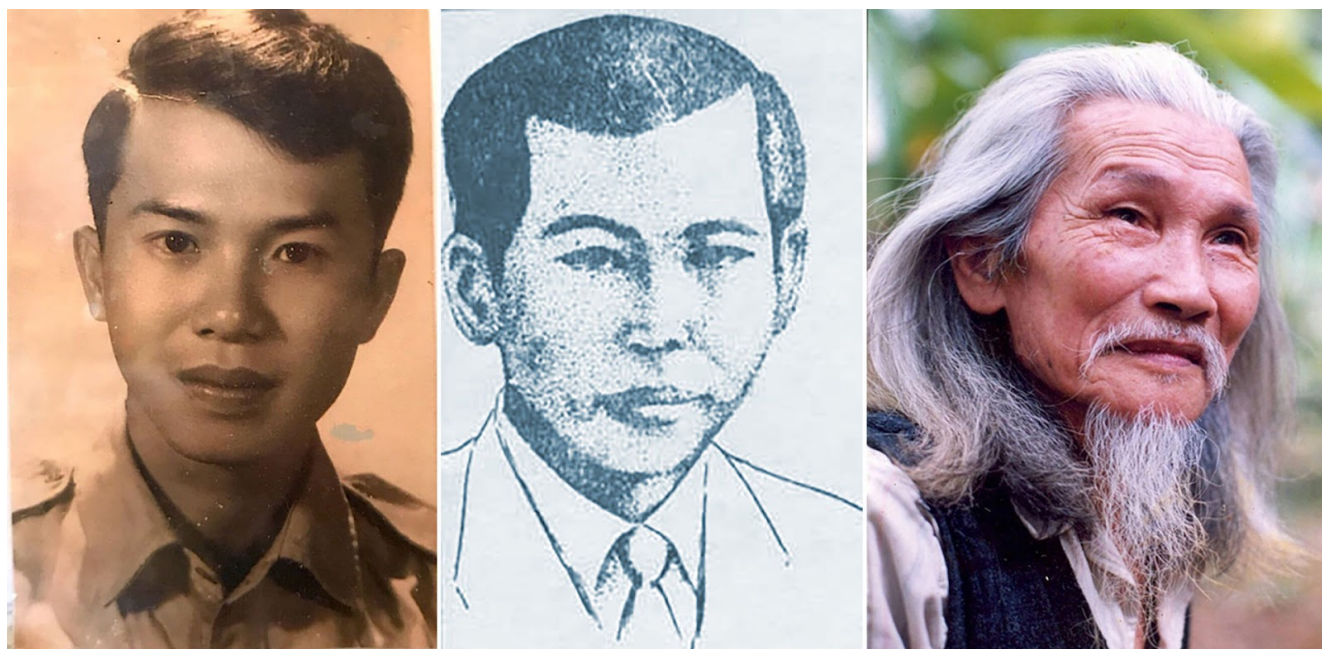


Hữu Loan, Dzũng Chinh, Vũ Anh Khanh

Ba người lạ cùng nhau nổi tiếng

Hữu Loan, Dzũng Chinh, Vũ Anh Khanh, ba con người tuy hoàn cảnh và đường đời khác nhau nhưng đã tình cờ gặp nhau nơi con đường cái quan, trên đường tranh đấu, mưu cầu Xuân tự do cho quê hương, dân tộc.



Từ trái, nhạc sĩ Dzũng Chinh, nhà thơ Vũ Anh Khanh, nhà thơ Hữu Loan. (Hình: [wikimedia.org](https://commons.wikimedia.org/wiki/File:Huynh_Loan.jpg) & Người Đưa Tin)

“Nàng có ba người anh đi quân đội,” Hữu Loan mở đầu bài thơ khóc vợ mang tên “Màu Tím Hoa Sim” được ông làm từ năm 1949, sau được in trên tờ Trăm Hoa do Nguyễn Bính làm chủ nhiệm, đã đi vào lịch sử thi ca, như một chứng nhân của lịch sử. Còn ông, sau này trở thành chứng nhân của cuộc đời.

Khi Hữu Loan vướng vào vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm, cũng như những bất mãn trước đó trong cái cách ruộng đất, ông bỏ đảng, bỏ quân đội trở về vùng quê heo hút, Nga Sơn, Thanh Hóa, để

làm một người phu kéo xe thồ đá. Bò lại phía sau lưng con đường công danh (mà ông cho là bại hoại) phía trước.

Hữu Loan làm thơ không nhiều. Thơ ông vượt tuy nhiên, vào Nam, không biết có phải do được in trong tập “Trăm Hoa Vở Nét Trên Đất Bùn?”

Chẳng biết, bài “Màu Tím Hoa Sim” được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc, và truyền bá sâu rộng ở miền Nam. Ít nhất có ba bài được giới trẻ và giới trí thức thời bấy giờ yêu chuộng là “Những Đóa Hoa Sim” của Dzũng Chinh, “Màu Tím Hoa Sim” của Duy Khánh và “Áo Anh Sút Chờ Đường Tà” của Phạm Duy.

Riêng bài “Những Đóa Hoa Sim” của Dzũng Chinh và “Áo Anh Sút Chờ Đường Tà” của Phạm Duy, một bi ca, một hùng ca, cho đến nay vẫn là những tác phẩm nổi tiếng nhất dựa trên bài thơ gốc của Hữu Loan; trong đó, nhạc phẩm của Dzũng Chinh ra đời vào thập niên 1960, được cho là bản phổ nhạc sớm nhất.

Sau năm 1975, Hữu Loan có vô thăm Sài Gòn. Ông ra chợ trời, mua được mấy băng cassette cũ, trong đó có thâu bài “Những Đóa Hoa Sim” của Dzũng Chinh. Nghe nói, Hữu Loan nghe đi nghe lại, tỏ ra thích thú với Dzũng Chinh, người mà theo Hữu Loan phổ nhạc thơ ông hay nhất.



Nhạc sĩ Dzũng Chinh.

Dzũng Chinh đưa Hữu Loan và Vũ Anh Khanh nổi tiếng hơn Dzũng Chinh, một sĩ quan bộ binh trù tu, tài hoa trong Quân Lực VNCH, không chỉ “nổi” lên khi sáng tác bản nhạc “Những Đồi Hoa Sim” với tiếng hát của nữ ca sĩ Phương Dung (được khán giả đương thời ưu ái gọi là “Con nặn trứng Gò Công”) vào thời điểm năm 1961-1962, mà ông còn

được nhiều người biết đến với nhạc phẩm “Đêm Dài Chưa Muộn Sáng” qua giọng ca của Hoàng Oanh.

Nhạc phẩm này nói lên nỗi niềm bi thiết, trước lịch sử bi hùng của dân tộc, khát khao một mùa Xuân thanh bình, quê hương liền một huyết mạch lịch sử.

Lời nhạc trầm hùng, trong “Đêm Dài Chưa Muộn Sáng” của Dzũng Chinh làm người ta nhớ tới những tác phẩm bất hủ như “Hòn Vọng Phu” của Lê Thương; “Con Đường Cái Quan” của Phạm Duy; chút u uất, đau đớn vì những khát vọng thuôn nhân bản bị đè nén, bức hại như trong “Người Anh Vĩnh Bình” của Nguyễn Đức Quang.

Nghe “Đêm Dài Chưa Muộn Sáng” của Dzũng Chinh, thấy thương tiếc cho ông. Một vùng trời âm nhạc bao la, ông vừa chạm đôi

cánh vào. Nhưng chưa kịp vẫy vùng, tung cánh chim bằng lướt gió, thì lửa đạn chiến tranh đã đưa ông vấp tận đáy mả sâu.

Ông hy sinh dưới chân núi Chà Bang (Ninh Phước) vào đêm cuối Tháng Hai, 1969. Năm đó Dzũng Chinh mới 28 tuổi (sinh năm 1941). Dzũng Chinh để lại cho đời tiếng kêu bi thiết, của một thời mà mãi trời chưa sáng: “Từ nghìn năm trước đất mồn nào đưa/ Tiếng gọi Trường Sơn theo bóng tôi tôi gầy mồn... Gục ngã nơi sa trường, manh áo nhuộm bụi đường/ Cây lá bạc màu xanh, một lời nguyện hy sinh chưa hết nhòa...”

Nơi Dzũng Chinh nằm xuống, cũng là một vùng có nhiều hoa sim tím, mọc dài theo triền đồi cát trắng, miền duyên hải.

Từ những đồi hoa sim của Hữu Loan, hay mùa sim tím theo những triền cát trắng của duyên hải miền Trung – Nam bộ, quê hương của mình, Dzũng Chinh mơ thấy Xuân vấp trên đỉnh Trường Sơn với bao thao thức:

“Mấy mùa mùa đợi mong, mai nọ ven rừng/ Xuân đến bao giờ người nào hay...”

Cũng như Hữu Loan, Dzũng Chinh không sáng tác nhiều (hay đúng hơn là chưa kịp viết nhiều). Ngoài bài “Những Đồi Hoa Sim,” “Đêm Dài Chưa Mặn Sáng,” “Lời Tạ Từ,” “Hoa Trắng Tình Yêu,” “Hai Màu Hoa,” thì Dzũng Chinh còn được biết đến với một bài nổi tiếng khác, là bài “Tha La Xóm Đạo,” pho thơ Vũ Anh Khanh.



Nhà thơ Vũ Anh Khanh.

Vũ Anh Khanh nổi lên với “Tha La Xóm Đạo”

Vũ Anh Khanh cũng là người ở vùng duyên hải miền Trung-Nam bộ. Ông quê ở Phan Thiết nhưng thuộc thế hệ trước. Ông viết văn, làm báo với Thăm Thệ Hà, thập niên 1940-1950 ở Sài Gòn.

Ông là một cây bút chuyên viết truyện ngắn và tiểu thuyết. Tác phẩm của ông phần lớn được in trong năm 1949 tại Sài Gòn, với “số lượng phát hành chiếm khoảng một nửa trong số ấn phẩm thời đó,” gồm truyện dài “Cây Ná Trắc” (nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn, 1947), “Nhà Bè Xương Khô” (hai tập, nhà xuất bản Tân Việt Nam, Sài Gòn, 1949), “Bạc Xâu Lìn” (nhà xuất bản Tiếng Chuông, Sài Gòn, 1949)...

Trong một lần cùng Thăm Thệ Hà về thăm quê bạn ở Trảng Bàng (Tây Ninh), Vũ Anh Khanh có ghé thăm họ đạo Tha La, cảm cảnh sinh tình ông viết ra bài thơ Tha La. Sau bài thơ này được in trong tiểu thuyết “Nhà Bè Xương Khô” của ông.

Bài thơ “Tha La Xóm Đạo” cũng được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc, nhưng bài do nhạc sĩ Dzũng Chinh phổ nhạc là đi vào lòng người nhất. Theo [wikipedia.org](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tha_La_X%C3%B3m_Dạo), “Tha La Xóm Đạo” đã được nhạc sĩ Dzũng Chinh, cũng là người Phan Thiết, phổ nhạc vào năm 1964.

Có lẽ, cũng như “Màu Tím Hoa Sim,” “Tha La Xóm Đạo” sẽ còn mãi với thời gian, như là chứng nhân của một thời – không thời nào quên.

Nếu như Hữu Loan đi kháng chiến ở miền Bắc, thì Vũ Anh Khanh đi kháng chiến ở miền Nam.

Sau 1954, Vũ Anh Khanh tập kết ra Bắc. Đến năm 1956, sau khi đi dự hội nghị nhà văn Á-Phi tại Ấn Độ, Vũ Anh Khanh trở về, sắp xếp phép đi đường, tìm cách tới bờ sông Bến Hải, với ý định vượt tuyến trở lại miền Nam tự do.

Nhưng khi Vũ Anh Khanh còn đang ở giữa dòng nước, chưa kịp chạm tới bờ Nam. Thì bị biên phòng Cộng Sản miền Bắc phát hiện, dùng tên tùm thuộm độc, bắn chết ông.

Cái chết của Vũ Anh Khanh trở thành một khúc ca bi tráng, cho một văn-thi nhân sớm biết quay đầu là bờ. Ông đã không vượt qua nổi dòng sông định mệnh. Nhưng trong bóng đêm của hơn nửa thế kỷ trước, ông đã can đảm vượt qua dòng sông ý thức hệ. Nơi mà cho tới tận hôm nay, hàng triệu triệu con người, vẫn còn bị “mắc kẹt” ở bờ bên kia.

Năm Vũ Anh Khanh mất, ông mới 30 tuổi (ông sinh năm 1926).



Nhà thơ Hữu Loan.

Hữu Loan, truân chuyên một đời

Như vậy, trong ba người văn nghệ khoác áo chinh nhân vì vận nước, chỉ có mình Hữu Loan là Trời cho (hay Trời bắt) được (phải) sống lâu. Vì sống lâu không phải để mong làm lão làng, mà chỉ để làm chứng nhân cho câu nói của người xưa – đa thọ, đa nhục (?!).

Hơn thế nữa, Hữu Loan phải sống như lời ông kể lại, trong thơ:

“Một bên là chính quyền có đủ thứ nhân dân

(quân đội, tòa án, nhà tù nhân dân)

Và nhất là Cuồng tín nhân dân...”

Ông đã trả lời trong một cuộc phỏng vấn:

-Sao anh không làm nhà?

-Vì tôi mắc làm người!

Cả cuộc đời của Hữu Loan, vật lộn tranh đấu từng ngày, để chỉ

được làm người – con người lương thiện, bình dị, không vi phạm (như Cộng Sản tuyên truyền).

Hữu Loan có hai người vợ. Cả hai đều là con địa chủ. Dù ông chủ là con của một tá điền.

Nhờ siêng năng tự học, ông lấy được bằng tú tài Tây. Tham gia kháng chiến, ông là tuyên huấn của sư đoàn, kiêm chính trị viên tiểu đoàn.

Người vợ đầu của ông mất trong thời chiến tranh, như trong bài “Màu Tím Hoa Sim” ông viết: “Nhưng không chết người trai khôi lỏi, mà chết người em gái nhũ hậu phương.”



Nhà thơ Hữu Loan và người vợ thứ hai.

Người vợ thứ hai, ông “nhặt được” sau cái cách ruộng đất.

Bà nguyên là con của một gia đình địa chủ, mà người cha trong kháng chiến thường cho tá điền gánh gạo tới ủng hộ quân lương cho sư đoàn của ông. Chính Hữu Loan nhiều lần đề nghị sư đoàn cấp giấy khen cho người địa chủ yêu nước kia. Nhưng trong cái cách ruộng đất, gia đình người địa chủ kia bị chôn, chủ chửi cái đầu lên mặt ruộng, đầu trâu kéo bừa “cày” cho tới chết. Riêng cô con gái năm đó mới 17 tuổi, được tha, nhưng bị đưa ra khỏi nhà, với chủ thị của cán bộ là dân làng không ai được tiếp xúc với cô.

Cô đi lang thang, nhặt những mẩu khoai sót trên đường để ăn, tội vạ ngó trong miệng hoang.

Trong cơn nấp lo sợ, trước sự cuống tít của cán bộ và sự cuống tít nhân dân...

Hay tin, Hữu Loan từ đơn vị trở về, đón cô gái bị chế độ cầm thù, ruồng bỏ kia về nhà. Từ đó, ông bắt đầu một hành trình làm người gian nan, còn khốn khổ hơn cả thời tham gia kháng chiến.

Người ta phá, không muốn cho Hữu Loan thối đá, vì không muốn ông làm người lương thiện (dám bỏ đường, bỏ quân đội). Vợ ông buôn bán ngoài chợ, người ta bao vây, hất hất để xuống đất... Nhưng tất cả sự cuống tít của một chế độ, cũng không chà đạp nổi nhân tính của một con người như Hữu Loan.

Nhiều người không hiểu chuyện, để kỳ cho rằng Hữu Loan chỉ làm có một bài thơ thôi, mà nổi tiếng tới tận bây giờ. Sự thật, cuộc đời của Hữu Loan trong mấy mươi năm, cần rằng từng ngày, đã được làm một con người lương thiện dưới chế độ Cộng Sản, còn đẹp hơn tất cả những bài thơ.

Ngoài bài “Màu Tím Hoa Sim,” Hữu Loan còn có những bài như: “Hoa Lúa,” “Đèo Cù”...



Tha La xóm đạo □ xóm An Hội, xã An Hòa, huyện Tr ng B ng, t nh Tây Ninh, n i ti ng khắp nơi nhờ bài hát “Tha La Xóm Đạo” c a nhạc sĩ Dz ng Chinh ph  từ bài thơ cùng tên c a nhà thơ V  Anh Khanh. (Hình: Flickr Vinh_Saigon).

Sau chiến tranh, tr  v  từ chiến khu, nhìn c nh mi n B c điêu tàn, nh t là sau c i cách ruộng đ t. Hữu Loan làm bài thơ T t, đăng trên Giai Ph m – Xuân 1957, với câu như: “T t và mùa Xuân/ Như m t người  a lệ.”

Nơi Nga Sơn, mi n heo hút gió, người phu th  đá vật lộn từng ngày với áo cơm, cùng hi m nguy muôn thứ hận thù rình rập, v n không quên th  cuộc. Ông ngược nhìn mây bay trên đ u, như th y tận đ nh Trường Sơn, mượn ti ng quạ kêu, ông làm một bài thơ nói lên n i ni m ai oán. Thương cho những người lính ng  xu ng, trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn giữa hai mi n Nam-B c.

(Văn Lang)